

H

## Household waste collection day Araw ng pangongolekta ng basura sa bahay

Días de coleta de lixo doméstico 家庭垃圾收集日历 Thông báo ngày thu gom rác

2025.1~2025.6

Before  
8:00 am**Burnable garbage**  
Days in pink on the calendar**Lixo incinerável**  
Dias marcados em rosa no calendário**Nasusunog na basura**  
Mga araw na pink sa kalendaryo**可燃垃圾** 日历上的粉色日期**Rác cháy được**  
Ngày màu hồng trên lịch**Non-burnable garbage**  
Days in blue on the calendar**Lixo não-incinerável**  
Dias marcados em azul no calendário**Hindi nasusunog na basura**  
Mga araw na asul sa kalendaryo**不可燃垃圾** 日历上的蓝色日期**Rác không cháy**  
Ngày màu xanh dương trên lịch**Plastic resources**  
Days in yellow on the calendar**Plástico reciclável**  
Dias marcados em amarelo no calendário**recyclable na plastik**  
Mga araw na dilaw sa kalendaryo**塑料资源** 日历上的黄色日期**Nhựa có thể tái chế**  
Ngày màu vàng trên lịch**Recyclable garbage/Recyclable refuse**  
Glass bottles and cans/Non-crushable, unsafe garbage Days in green on the calendar**Lixo reciclável**  
Garrafas, latas e similares/Lixo de difícil fragmentação e materiais perigosos. Dias marcados em verde no calendário  
**Nareresiklong basura/Nareresiklong dumi**  
Mga boteng bubog at lata/ Hindi nadudurog, hindi ligtas na basura. Mga araw na berde sa kalendaryo**资源垃圾** 瓶、罐类、难粉碎性垃圾、危险垃圾 日历上的绿色日期**Rác tái nguyên** Chai/lon, rác khó nghiền nát, rác nguy hiểm  
Ngày màu xanh lá cây trên lịch**Recyclable refuse**  
Old paper, old clothes Days in dark red on the calendar**Lixo reciclável**  
Papéis e roupas usadas. Dias marcados em vinho no calendário**Nareresiklong dumi**  
Lumang papel, lumang mga damit sa Mga araw na matingkad na pula sa kalendaryo**资源垃圾** 废纸、旧衣物 日历上的红色日期**Rác tái nguyên** Báo cũ/quần áo cũ  
Ngày màu đỏ trên lịch

## 2025 1 January.Janeiro.Enero.Tháng 1

| SUN<br>DOMINGO<br>LINGGO<br>星期天<br>Chủ Nhật | MON<br>SEGUNDA<br>LUNES<br>星期一<br>Thứ hai | TUE<br>TERÇA<br>MARTES<br>星期二<br>Thứ ba | WED<br>QUARTA<br>MIYERKULES<br>星期三<br>Thứ tư | THU<br>QUINTA<br>HUWEBES<br>星期四<br>Thứ năm | FRI<br>SEXTA<br>BIYERNES<br>星期五<br>Thứ sáu | SAT<br>SABADO<br>SABADO<br>星期六<br>Thứ bảy |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|
|                                             |                                           |                                         | 1                                            | 2                                          | 3                                          | 4                                         |
| 5                                           | 6                                         | 7                                       | 8                                            | 9                                          | 10                                         | 11                                        |
| 12                                          | 13                                        | 14                                      | 15                                           | 16                                         | 17                                         | 18                                        |
| 19                                          | 20                                        | 21                                      | 22                                           | 23                                         | 24                                         | 25                                        |
| 26                                          | 27                                        | 28                                      | 29                                           | 30                                         | 31                                         |                                           |

## 2025 2 February.Fevereiro.Pebrero.Tháng 2

| SUN<br>DOMINGO<br>LINGGO<br>星期天<br>Chủ Nhật | MON<br>SEGUNDA<br>LUNES<br>星期一<br>Thứ hai | TUE<br>TERÇA<br>MARTES<br>星期二<br>Thứ ba | WED<br>QUARTA<br>MIYERKULES<br>星期三<br>Thứ tư | THU<br>QUINTA<br>HUWEBES<br>星期四<br>Thứ năm | FRI<br>SEXTA<br>BIYERNES<br>星期五<br>Thứ sáu | SAT<br>SABADO<br>SABADO<br>星期六<br>Thứ bảy |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|
|                                             |                                           |                                         |                                              |                                            |                                            | 1                                         |
| 2                                           | 3                                         | 4                                       | 5                                            | 6                                          | 7                                          | 8                                         |
| 9                                           | 10                                        | 11                                      | 12                                           | 13                                         | 14                                         | 15                                        |
| 16                                          | 17                                        | 18                                      | 19                                           | 20                                         | 21                                         | 22                                        |
| 23                                          | 24                                        | 25                                      | 26                                           | 27                                         | 28                                         |                                           |

## 2025 3 March.Março.Marso.Tháng 3

| SUN<br>DOMINGO<br>LINGGO<br>星期天<br>Chủ Nhật | MON<br>SEGUNDA<br>LUNES<br>星期一<br>Thứ hai | TUE<br>TERÇA<br>MARTES<br>星期二<br>Thứ ba | WED<br>QUARTA<br>MIYERKULES<br>星期三<br>Thứ tư | THU<br>QUINTA<br>HUWEBES<br>星期四<br>Thứ năm | FRI<br>SEXTA<br>BIYERNES<br>星期五<br>Thứ sáu | SAT<br>SABADO<br>SABADO<br>星期六<br>Thứ bảy |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|
|                                             |                                           |                                         |                                              |                                            |                                            | 1                                         |
| 2                                           | 3                                         | 4                                       | 5                                            | 6                                          | 7                                          | 8                                         |
| 9                                           | 10                                        | 11                                      | 12                                           | 13                                         | 14                                         | 15                                        |
| 16                                          | 17                                        | 18                                      | 19                                           | 20                                         | 21                                         | 22                                        |
| 23<br>30                                    | 24<br>31                                  | 25                                      | 26                                           | 27                                         | 28                                         | 29                                        |

## 2025 4 April.Abril.Abril.Tháng 4

| SUN<br>DOMINGO<br>LINGGO<br>星期天<br>Chủ Nhật | MON<br>SEGUNDA<br>LUNES<br>星期一<br>Thứ hai | TUE<br>TERÇA<br>MARTES<br>星期二<br>Thứ ba | WED<br>QUARTA<br>MIYERKULES<br>星期三<br>Thứ tư | THU<br>QUINTA<br>HUWEBES<br>星期四<br>Thứ năm | FRI<br>SEXTA<br>BIYERNES<br>星期五<br>Thứ sáu | SAT<br>SABADO<br>SABADO<br>星期六<br>Thứ bảy |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|
|                                             |                                           | 1                                       | 2                                            | 3                                          | 4                                          | 5                                         |
| 6                                           | 7                                         | 8                                       | 9                                            | 10                                         | 11                                         | 12                                        |
| 13                                          | 14                                        | 15                                      | 16                                           | 17                                         | 18                                         | 19                                        |
| 20                                          | 21                                        | 22                                      | 23                                           | 24                                         | 25                                         | 26                                        |
| 27                                          | 28                                        | 29                                      | 30                                           |                                            |                                            |                                           |

## 2025 5 May.Maio.Mayo.Tháng 5

| SUN<br>DOMINGO<br>LINGGO<br>星期天<br>Chủ Nhật | MON<br>SEGUNDA<br>LUNES<br>星期一<br>Thứ hai | TUE<br>TERÇA<br>MARTES<br>星期二<br>Thứ ba | WED<br>QUARTA<br>MIYERKULES<br>星期三<br>Thứ tư | THU<br>QUINTA<br>HUWEBES<br>星期四<br>Thứ năm | FRI<br>SEXTA<br>BIYERNES<br>星期五<br>Thứ sáu | SAT<br>SABADO<br>SABADO<br>星期六<br>Thứ bảy |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|
|                                             |                                           |                                         |                                              | 1                                          | 2                                          | 3                                         |
| 4                                           | 5                                         | 6                                       | 7                                            | 8                                          | 9                                          | 10                                        |
| 11                                          | 12                                        | 13                                      | 14                                           | 15                                         | 16                                         | 17                                        |
| 18                                          | 19                                        | 20                                      | 21                                           | 22                                         | 23                                         | 24                                        |
| 25                                          | 26                                        | 27                                      | 28                                           | 29                                         | 30                                         | 31                                        |

## 2025 6 June.Junho.Hunyo.Tháng 6

| SUN<br>DOMINGO<br>LINGGO<br>星期天<br>Chủ Nhật | MON<br>SEGUNDA<br>LUNES<br>星期一<br>Thứ hai | TUE<br>TERÇA<br>MARTES<br>星期二<br>Thứ ba | WED<br>QUARTA<br>MIYERKULES<br>星期三<br>Thứ tư | THU<br>QUINTA<br>HUWEBES<br>星期四<br>Thứ năm | FRI<br>SEXTA<br>BIYERNES<br>星期五<br>Thứ sáu | SAT<br>SABADO<br>SABADO<br>星期六<br>Thứ bảy |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|
| 1                                           | 2                                         | 3                                       | 4                                            | 5                                          | 6                                          | 7                                         |
| 8                                           | 9                                         | 10                                      | 11                                           | 12                                         | 13                                         | 14                                        |
| 15                                          | 16                                        | 17                                      | 18                                           | 19                                         | 20                                         | 21                                        |
| 22                                          | 23                                        | 24                                      | 25                                           | 26                                         | 27                                         | 28                                        |
| 29                                          | 30                                        |                                         |                                              |                                            |                                            |                                           |

H

2025.7~  
2025.12

In accordance with the  
"Household Waste and Resources  
Sorting and Disposal Quick Guide"  
place at the designated waste station  
before 8:00 am on the day of collection.

Questions about garbage collection:  
Non-burnable garbage  
Anjo-shi Seiso Jigyosho  
(Waste Center)  
Telephone 76-3053, Fax 77-1318  
Burnable garbage  
Anjo-shi Kankyo Clean Center  
Telephone 92-0178, Fax 92-0405

Veja o "Guia Prático de Seleção  
/Descarte de Lixo Doméstico e Material  
Reciclável" e jogue na estação de lixo  
do local determinado até as  
8 horas da manhã do dia da coleta.

Informações e consultas sobre lixos:  
[Lixo não-incinerável]  
Anjo-shi Seiso Jigyosho  
(Escritório de Coleta de Lixo)  
Telefone: 76-3053 FAX. 77-1318  
[Lixo incinerável]  
Anjo-shi Kankyo Clean Center  
(Centro de Limpeza Ambiental)  
Telefone: 92-0178 FAX. 92-0405

Ayon sa "Household Waste and  
Resources Sorting and Disposal  
Quick Guide" ang lugar sa itinalagang  
estasyon ng basura bago ang 8:00 am  
sa araw ng koleksyon.

Ang mga tanong tungkol sa pagkolekta ng basura:  
Hindi nasusunog na basura  
Anjo-shi Seiso Jigyosho  
(Waste Center)  
Telepono 76-3053, Fax 77-1318  
Nasusunog na basura  
Anjo-shi Kankyo Clean Center  
Telepono 92-0178, Fax 92-0405

请参考  
「家庭垃圾和资源的分类方法  
和扔置方法简明手册」、  
在收集日的上午8点以前，  
将垃圾丢弃在指定的垃圾收集场所。

处理垃圾询问处  
不可燃垃圾  
安城市清扫事业所  
电话：76-3053、传真：77-1318  
可燃垃圾  
安城市环境清洁中心  
电话：92-0178、传真：92-0405

Theo như tham khảo cuốn sách  
về cách phân loại và bỏ rác  
thải sinh hoạt và tài nguyên.  
Hãy bỏ rác ra khu vực vứt rác  
trước 8 giờ vào ngày thu gom rác

Hỏi đáp về vấn đề rác thải:  
Rác không cháy  
Văn phòng vệ sinh thành phố Anjo  
TEL 76-3053, FAX 77-1318  
Rác cháy được  
Trung tâm làm sạch môi trường  
thành phố Anjo  
TEL 92-0178, FAX 92-0405

\*The break in collection days during year-end and New Years is changing.

\*Ang pahinga sa pangongolekta ng basura tuwing katapusan ng taon at Bagong Taon ay nagbabago.

\*Há alteração de intervalo dos dias de coleta no final e início de ano.

\*年末年初の収集日间隔有所不同。

\*Ngày thu gom rác thay đổi trong dịp cuối năm và Tết dương lịch.

Self carrying-in of home generated trash  
(Environmental Clean Center  
/Recycle Plaza)

Every day from Mon. to Fri.  
(Including holidays)  
(8:30am - 12:00am, 1:00pm - 4:45pm)  
○ on the 3rd Sunday morning of every month (8:30am-12:00am)  
and at December 29th.  
※Excluding December 30th to January 3rd.

Transporte individual de lixo doméstico  
(Centro de Limpeza Ambiental  
/Recycle Plaza)

De segunda a sexta  
(inclusive feriados)  
(8:30 - 12:00 e 13:00 - 16:45)  
○ Coleta no 3º domingo de todos os meses (Das 8:30~12:00  
e última coleta no dia 29 de dezembro.  
※Fechado entre 30 de dezembro e 3 de janeiro.

Kusang pagdadala ng sariling basura na  
nagmula sa bahay (Clean Center para sa  
Kapaligiran/Plaza sa pagreresiklo)

Araw-araw mula Lunes hanggang Biyernes  
(Kabilang ang bakasyon)  
(8:30am - 12:00am, 1:00pm - 4:45pm)  
○ Sa tuwing ika-3 Sunday ng bawat buwan (8:30am hanggang 12:00)  
at sa Dec.29 ay puwedeng dalhin ang basura.  
※Hindi kabilang ang ika-30 ng Disyembre  
hanggang ika-3 ng Enero.

家庭垃圾的自己搬入  
(环境清洁中心、  
再利用广场)

星期一至星期五每天  
(包括节假日)  
(上午8点半~12点、下午1点~4点45分)  
○ 每个月的第三个星期日  
(上午8点半~12点)  
和12/29受理。  
※12月30日~1月3日休息

Rác phải tự đem vứt  
(ở khu làm sạch môi  
trường hay khu tái chế)

Từ thứ 2 đến thứ 6 (kể cả ngày lễ)  
buổi sáng 8:30~12:00, buổi chiều  
1:00~4:45  
○ Mỗi tháng, ngày Chủ Nhật lần thứ 3 trong tháng  
(sáng từ 8:30 đến 12:00) hoặc Đặc biệt đem đến  
vào ngày cuối năm 29 tháng 12.  
※Trừ 30/12 ~3/1

2025 **7** July.Julho.Hulyo.Tháng 7

| SUN<br>DOMINGO<br>LINGGO<br>星期天<br>Chủ Nhật | MON<br>SEGUNDA<br>LUNES<br>星期一<br>Thứ hai | TUE<br>TERÇA<br>MARTES<br>星期二<br>Thứ ba | WED<br>QUARTA<br>MIYERKULES<br>星期三<br>Thứ tư | THU<br>QUINTA<br>HUWEBES<br>星期四<br>Thứ năm | FRI<br>SEXTA<br>BIYERNES<br>星期五<br>Thứ sáu | SAT<br>SABADO<br>SABADO<br>星期六<br>Thứ bảy |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|
|                                             |                                           | 1                                       | 2                                            | 3                                          | 4                                          | 5                                         |
| 6                                           | 7                                         | 8                                       | 9                                            | 10                                         | 11                                         | 12                                        |
| 13                                          | 14                                        | 15                                      | 16                                           | 17                                         | 18                                         | 19                                        |
| 20                                          | 21                                        | 22                                      | 23                                           | 24                                         | 25                                         | 26                                        |
| 27                                          | 28                                        | 29                                      | 30                                           | 31                                         |                                            |                                           |

2025 **8** August.Agosto.Agosto.Tháng 8

| SUN<br>DOMINGO<br>LINGGO<br>星期天<br>Chủ Nhật | MON<br>SEGUNDA<br>LUNES<br>星期一<br>Thứ hai | TUE<br>TERÇA<br>MARTES<br>星期二<br>Thứ ba | WED<br>QUARTA<br>MIYERKULES<br>星期三<br>Thứ tư | THU<br>QUINTA<br>HUWEBES<br>星期四<br>Thứ năm | FRI<br>SEXTA<br>BIYERNES<br>星期五<br>Thứ sáu | SAT<br>SABADO<br>SABADO<br>星期六<br>Thứ bảy |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|
|                                             |                                           |                                         |                                              |                                            | 1                                          | 2                                         |
| 3                                           | 4                                         | 5                                       | 6                                            | 7                                          | 8                                          | 9                                         |
| 10                                          | 11                                        | 12                                      | 13                                           | 14                                         | 15                                         | 16                                        |
| 17                                          | 18                                        | 19                                      | 20                                           | 21                                         | 22                                         | 23                                        |
| 24<br>31                                    | 25                                        | 26                                      | 27                                           | 28                                         | 29                                         | 30                                        |

2025 **9** September.Setembro.Setyembre.Tháng 9

| SUN<br>DOMINGO<br>LINGGO<br>星期天<br>Chủ Nhật | MON<br>SEGUNDA<br>LUNES<br>星期一<br>Thứ hai | TUE<br>TERÇA<br>MARTES<br>星期二<br>Thứ ba | WED<br>QUARTA<br>MIYERKULES<br>星期三<br>Thứ tư | THU<br>QUINTA<br>HUWEBES<br>星期四<br>Thứ năm | FRI<br>SEXTA<br>BIYERNES<br>星期五<br>Thứ sáu | SAT<br>SABADO<br>SABADO<br>星期六<br>Thứ bảy |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|
|                                             | 1                                         | 2                                       | 3                                            | 4                                          | 5                                          | 6                                         |
| 7                                           | 8                                         | 9                                       | 10                                           | 11                                         | 12                                         | 13                                        |
| 14                                          | 15                                        | 16                                      | 17                                           | 18                                         | 19                                         | 20                                        |
| 21                                          | 22                                        | 23                                      | 24                                           | 25                                         | 26                                         | 27                                        |
| 28                                          | 29                                        | 30                                      |                                              |                                            |                                            |                                           |

2025 **10** October.Outubro.Oktubre.Tháng 10

| SUN<br>DOMINGO<br>LINGGO<br>星期天<br>Chủ Nhật | MON<br>SEGUNDA<br>LUNES<br>星期一<br>Thứ hai | TUE<br>TERÇA<br>MARTES<br>星期二<br>Thứ ba | WED<br>QUARTA<br>MIYERKULES<br>星期三<br>Thứ tư | THU<br>QUINTA<br>HUWEBES<br>星期四<br>Thứ năm | FRI<br>SEXTA<br>BIYERNES<br>星期五<br>Thứ sáu | SAT<br>SABADO<br>SABADO<br>星期六<br>Thứ bảy |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|
|                                             |                                           |                                         | 1                                            | 2                                          | 3                                          | 4                                         |
| 5                                           | 6                                         | 7                                       | 8                                            | 9                                          | 10                                         | 11                                        |
| 12                                          | 13                                        | 14                                      | 15                                           | 16                                         | 17                                         | 18                                        |
| 19                                          | 20                                        | 21                                      | 22                                           | 23                                         | 24                                         | 25                                        |
| 26                                          | 27                                        | 28                                      | 29                                           | 30                                         | 31                                         |                                           |

2025 **11** November.Novembro.Nobyembre.Tháng 11

| SUN<br>DOMINGO<br>LINGGO<br>星期天<br>Chủ Nhật | MON<br>SEGUNDA<br>LUNES<br>星期一<br>Thứ hai | TUE<br>TERÇA<br>MARTES<br>星期二<br>Thứ ba | WED<br>QUARTA<br>MIYERKULES<br>星期三<br>Thứ tư | THU<br>QUINTA<br>HUWEBES<br>星期四<br>Thứ năm | FRI<br>SEXTA<br>BIYERNES<br>星期五<br>Thứ sáu | SAT<br>SABADO<br>SABADO<br>星期六<br>Thứ bảy |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|
|                                             |                                           |                                         |                                              |                                            |                                            | 1                                         |
| 2                                           | 3                                         | 4                                       | 5                                            | 6                                          | 7                                          | 8                                         |
| 9                                           | 10                                        | 11                                      | 12                                           | 13                                         | 14                                         | 15                                        |
| 16                                          | 17                                        | 18                                      | 19                                           | 20                                         | 21                                         | 22                                        |
| 23<br>30                                    | 24                                        | 25                                      | 26                                           | 27                                         | 28                                         | 29                                        |

2025 **12** December.Dezembro.Disyembre.Tháng 12

| SUN<br>DOMINGO<br>LINGGO<br>星期天<br>Chủ Nhật | MON<br>SEGUNDA<br>LUNES<br>星期一<br>Thứ hai | TUE<br>TERÇA<br>MARTES<br>星期二<br>Thứ ba | WED<br>QUARTA<br>MIYERKULES<br>星期三<br>Thứ tư | THU<br>QUINTA<br>HUWEBES<br>星期四<br>Thứ năm | FRI<br>SEXTA<br>BIYERNES<br>星期五<br>Thứ sáu | SAT<br>SABADO<br>SABADO<br>星期六<br>Thứ bảy |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|
|                                             | 1                                         | 2                                       | 3                                            | 4                                          | 5                                          | 6                                         |
| 7                                           | 8                                         | 9                                       | 10                                           | 11                                         | 12                                         | 13                                        |
| 14                                          | 15                                        | 16                                      | 17                                           | 18                                         | 19                                         | 20                                        |
| 21                                          | 22                                        | 23                                      | 24                                           | 25                                         | 26                                         | 27                                        |
| 28                                          | 29                                        | 30                                      | 31                                           |                                            |                                            |                                           |